

Đơn vị: Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 416

Ninh Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày tháng 10 năm 2023 của Sở Công Thương)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	457.994	457.994	-
1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	345.644	345.644	-
2	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	43.850	43.850	-
3	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	0	0	-
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	34.5	34.5	-
5	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	3	3	-
6	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	31	31	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	215.800	215.800	-
1	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	215.8	215.8	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết	Tổng số liệu quyết toán	Chênh lệch
III	Số phí, lệ phí nộp Ngân sách nhà nước	68.499	68.499	-
1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện ...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	34.564	34.564	-
2	Phí thẩm định cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng VLNCN; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	4.39	4.39	-
3	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	0	0	-
4	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	17.25	17.25	-
5	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	3	3	-
6	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	9.3	9.3	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	12,094.05	12,094.05	-
1	Chi quản lý hành chính	9,019.89	9,019.89	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6,420.00	6,420.00	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,599.89	2,599.89	-
2	Chi sự nghiệp kinh tế	119.98	119.98	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	119.98	119.98	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	4	4	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4	4	-
4	Chi thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao	2,950.18	2,950.18	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết	Tổng số liệu quyết toán	Chênh lệch
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,950.18	2,950.18	-
II	Nguồn viện trợ	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-		